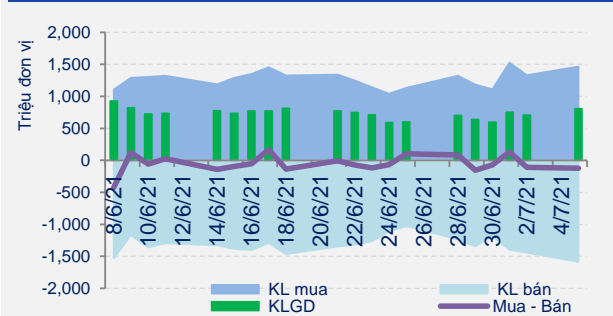
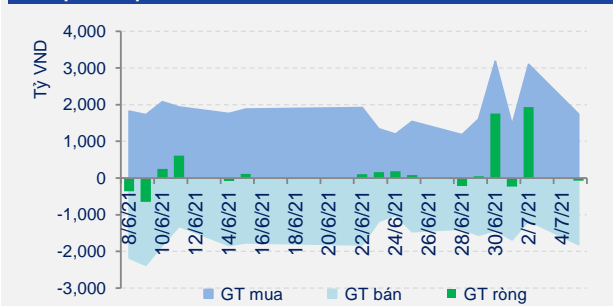


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 5/7/2021

| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,411.13      | 327.76      |
| % Thay đổi          | ↓ -0.64%      | ↓ -0.08%    |
| KLGD (CP)           | 805,476,871   | 143,540,648 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 27,579.83     | 3,369.83    |
| Tổng cung (CP)      | 1,585,301,740 | 202,869,300 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,463,836,550 | 185,324,100 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 35,148,330 | 4,566,730 |
| KL mua (CP)       | 34,577,630 | 4,262,400 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,741.80   | 36.44     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,810.64   | 51.74     |
| GT ròng (tỷ đồng) | (68.84)    | (15.30)   |

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.72%    | 22.8 | 3.8 | 2.5%  |
| Công nghiệp         | ↓ -1.21%   | 19.5 | 2.7 | 6.0%  |
| Dầu khí             | ↓ -2.13%   | 28.1 | 2.0 | 2.8%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↑ 1.32%    | -    | 9.3 | 3.0%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↓ -0.37%   | 16.9 | 2.4 | 0.2%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↓ -1.39%   | 20.2 | 4.1 | 6.3%  |
| Ngân hàng           | ↑ 0.90%    | 14.0 | 2.8 | 38.8% |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -1.22%   | 16.6 | 2.9 | 14.8% |
| Tài chính           | ↓ -1.50%   | 20.8 | 3.7 | 24.0% |
| Tiền ịch Cộng đồng  | ↓ -3.57%   | 15.6 | 2.6 | 1.6%  |
| VN - Index          | ↓ -0.64%   | 19.3 | 3.5 |       |
| HNX - Index         | ↓ -0.08%   | 18.1 | 3.8 |       |

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản được cải thiện. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 9,14 điểm (-0,64%) xuống 1.411,13 điểm; HNX-Index giảm 0,25 điểm (-0,08%) xuống 327,76 điểm. Khối lượng khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với 952 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh đạt 30.727 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 182 mã tăng, 86 mã tham chiếu, 451 mã giảm. Thị trường tăng nhẹ vào đầu phiên nhưng áp lực bán gia tăng sau đó đã khiến các chỉ số đồng loạt giảm mạnh, rất may là lực cầu bắt đáy xuất hiện trong phiên chiều giúp các chỉ số thu hẹp mức giảm. VCB (-1,1%), VIC (-2,1%) và NVL (-3,4%) là những cổ phiếu dẫn đầu nhóm đóng góp tiêu cực cho VN-Index khi góp 6,081 điểm vào sắc đỏ của chỉ số. Tiếp theo sau là các mã HPG (-2,1%), MSN (-2%), VRE (-6,9%)... Ở chiều ngược lại, TCB (+6,8%), ACB (+5,1%) và MWG (+6,2%) là những trụ chính giúp chỉ số thu hẹp được mức giảm. Sắc đỏ áp đảo ở rổ VN30 khi có đến 22 mã giảm và chỉ có 8 mã tăng giá. Lực bán mạnh xuất hiện vào cuối phiên đã khiến cho VRE (-6,9%) rơi mạnh và đóng cửa với mức giá sàn. GAS (-4,8%) tiếp nối theo sau khi giảm hơn 4%, REE (-3,4%) và NVL (-3,4%) cùng giảm hơn 3%; TCH (-2,5%), POW (-2,5%), SSI (-2,4%), SBT (-2,4%) giảm hơn 2%.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản gia tăng lên trên mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay là tương đối mạnh. Trên biểu đồ kỹ thuật, phiên hôm nay có diễn biến giao dịch khá giống với diễn biến phiên 7/6 với một cây nến đỏ với phần chân nến dài thể hiện lực cầu bắt đáy gia tăng về cuối phiên. Trên góc nhìn sóng Elliott, kháng cự mạnh của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.420 điểm. Hiện thị trường đang ở khá gần ngưỡng kháng cự mạnh nên những giao dịch ngắn hạn tại vùng giá hiện tại tiếp tục không được khuyến khích. Do chỉ số vẫn giữ được hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm nên xu hướng hiện tại vẫn là trung tính. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 6/7, thị trường có thể sẽ tiếp tục rung lắc tại vùng giá hiện tại. Nhà đầu tư đã bán ra cổ phiếu trong tuần trước nên hạn chế mua đuổi ở thời điểm hiện tại và chờ đợi những nhịp điều chỉnh sâu hơn để tham gia trở lại. Những nhà đầu tư đang có tỷ trọng cổ phiếu lớn cũng nên hạn chế mua thêm và nên tận dụng những nhịp tăng điểm trong tuần này để chốt lời các cổ phiếu đã đạt mục tiêu.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/7/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.421,52 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.394,12 điểm. Trong nửa cuối phiên chiều, cầu bắt đáy gia tăng giúp thu hẹp mức giảm của chỉ số. Kết phiên, VN-Index giảm 9,14 điểm (-0,64%) xuống 1.411,13 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 4.600 đồng, VIC giảm 2.500 đồng, VRE giảm 2.200 đồng. Ở chiều ngược lại, TCB tăng 3.700 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 329 điểm. Nhưng sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 323,4 điểm. Về chiều, cầu bắt đáy gia tăng giúp chỉ số thu hẹp mức giảm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,25 điểm (-0,08%) xuống 327,76 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: PVS giảm 1.100 đồng, BAB giảm 300 đồng, SHS giảm 1.400 đồng. Ở chiều ngược lại, SHB tăng 1.000 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 68,84 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 571 nghìn cổ phiếu. CTG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 105,9 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 88,3 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 91,3 tỷ đồng tương ứng với 2,9 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 15,56 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 304 nghìn. VND là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 12,8 tỷ đồng tương ứng với 270 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 3,8 tỷ đồng tương ứng với 82 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,9 tỷ đồng tương ứng với 105 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần với khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay là tương đối mạnh.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là kịch bản sóng Elliott đã lập ra trước đó với sóng tăng 5 với độ dài theo lý thuyết trong kịch bản tiêu chuẩn bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì target của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được trong phiên 12/4/2021.

Trong kịch bản tích cực hơn, sóng tăng 5 có thể nổi dài lên với target quanh ngưỡng 1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và điều này cũng đã đạt được trong phiên 31/5.

Tuy nhiên, sóng tăng 5 khó có khả năng mạnh hơn sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) nên có thể coi ngưỡng 1.420 điểm sẽ là kháng cự mạnh trong đợt này.

Với việc VN-Index giảm không mạnh (<1%) trong phiên hôm nay với thanh khoản xấp xỉ mức trung bình 20 phiên và ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.400 điểm vẫn được giữ vững nên xu hướng thị trường tiếp tục được đánh giá ở mức trung tính.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 6/7, thị trường có thể sẽ tiếp tục rung lắc tại vùng giá hiện tại.

Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất quanh 1.380 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.320 điểm (MA50).

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công đạt tối thiểu 60% kế hoạch vào quý III

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6 tháng đầu năm theo giá hiện hành ước đạt 1,17 triệu tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước. Chính phủ yêu cầu tăng cường giải ngân vốn đầu tư công và đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu.



## TIN TRONG NƯỚC

|                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| <b>Giá vàng trong nước tăng</b>     | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56,73 - 57,28 triệu đồng/lượng, tăng 80.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 130.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay. |
| <b>Tỷ giá trung tâm tăng 6 đồng</b> | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 5/7 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.190 VND/USD, tăng 6 đồng so với cuối tuần qua.   |

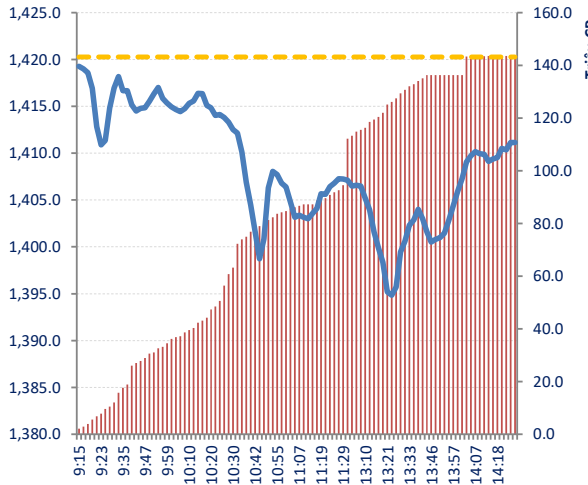
## TIN QUỐC TẾ

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
| <b>Giá vàng thế giới tăng</b>    | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,25 USD/ounce tương ứng với 0,46% lên 1.791,55 USD/ounce.   |
| <b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b> | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,215 điểm tương ứng 0,23% xuống 92,2 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1872 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3851 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 110,89 JPY. |
| <b>Giá dầu thế giới tăng</b>     | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,19 USD/thùng tương ứng với 0,25% lên 75,35 USD/thùng.   |
| <b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>  | Kết thúc phiên giao dịch ngày 2/7, Dow Jones tăng 152,82 điểm tương đương 0,44% lên 34.786,35 điểm. Nasdaq tăng 116,95 điểm tương đương 0,81% lên 14.639,33 điểm. Nasdaq Composite tăng 32,4 điểm tương đương 0,75% lên 4.352,34 điểm.      |

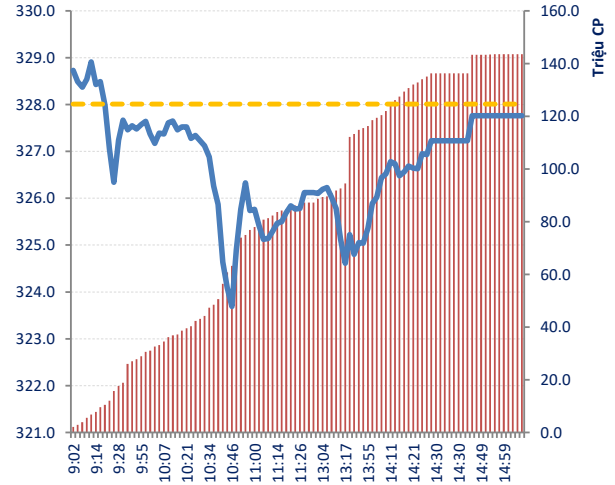


### THÔNG KÊ GIAO DỊCH

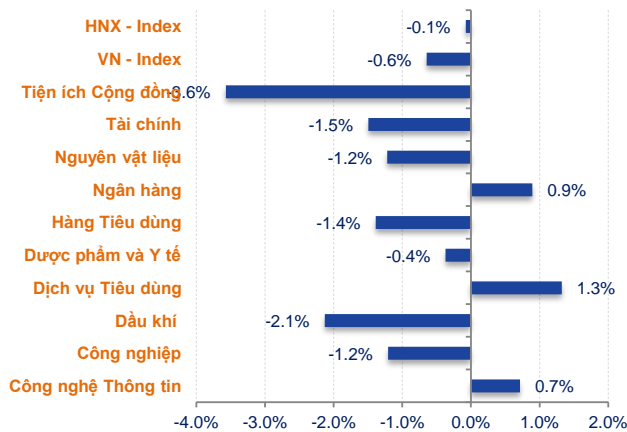
#### KLGD và VN-Index trong phiên



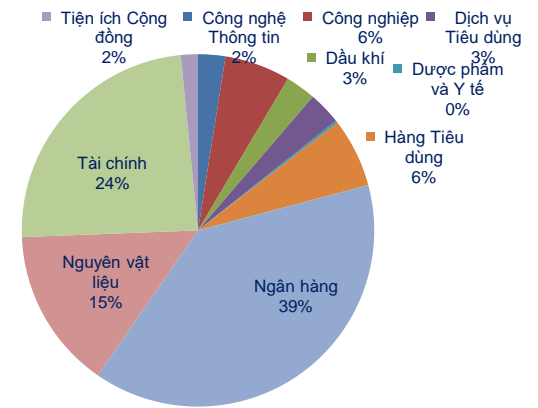
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



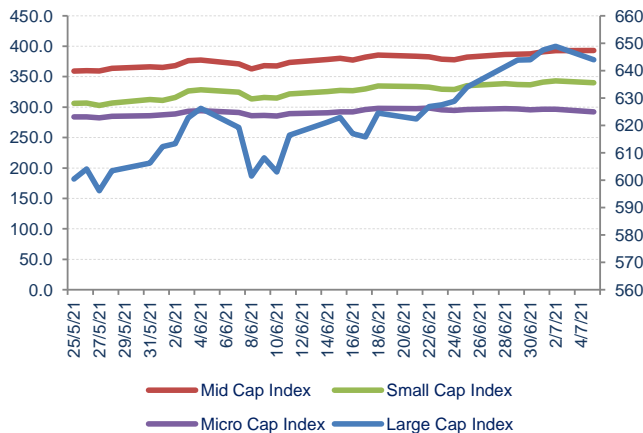
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



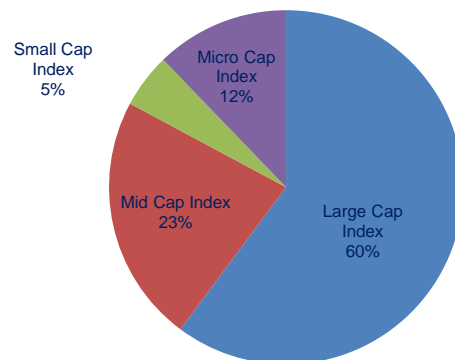
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | NVL   | 15,444,900  | CTG   | 3,294,200   |
| 2  | STB   | 3,307,600   | VPB   | 3,130,000   |
| 3  | HPG   | 1,331,500   | DPM   | 1,054,900   |
| 4  | MBB   | 877,300     | MSB   | 859,700     |
| 5  | VCI   | 815,400     | SBT   | 405,900     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | TVB   | 154,000     | VND   | 270,130     |
| 2  | PVS   | 104,900     | PCG   | 239,900     |
| 3  | KLF   | 92,100      | SHS   | 81,700      |
| 4  | BSI   | 71,000      | SHB   | 73,800      |
| 5  | SD5   | 16,000      | BVS   | 26,500      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| STB | 31.50      | 32.60    | ↑ 3.49%  | 52,720,000 |
| TCB | 54.30      | 58.00    | ↑ 6.81%  | 50,296,400 |
| HPG | 52.30      | 51.20    | ↓ -2.10% | 41,144,000 |
| FLC | 13.05      | 12.30    | ↓ -5.75% | 29,543,900 |
| MBB | 43.45      | 43.20    | ↓ -0.58% | 25,814,900 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 29.00      | 30.00    | ↑ 3.45%  | 35,847,570 |
| PVS | 28.10      | 27.00    | ↓ -3.91% | 15,205,349 |
| KLF | 5.10       | 4.80     | ↓ -5.88% | 8,395,585  |
| SHS | 47.30      | 45.90    | ↓ -2.96% | 8,109,173  |
| VND | 48.40      | 47.50    | ↓ -1.86% | 6,437,607  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| TNT | 8.79       | 9.40     | 0.61 | ↑ 6.94% |
| AGM | 31.00      | 33.15    | 2.15 | ↑ 6.94% |
| FRT | 27.50      | 29.40    | 1.90 | ↑ 6.91% |
| TGG | 11.00      | 11.75    | 0.75 | ↑ 6.82% |
| TCB | 54.30      | 58.00    | 3.70 | ↑ 6.81% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| MAS | 48.40      | 53.20    | 4.80 | ↑ 9.92% |
| QHD | 34.10      | 37.40    | 3.30 | ↑ 9.68% |
| NFC | 9.50       | 10.40    | 0.90 | ↑ 9.47% |
| PGT | 4.30       | 4.70     | 0.40 | ↑ 9.30% |
| BII | 6.50       | 7.10     | 0.60 | ↑ 9.23% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| HU1 | 8.89       | 8.27     | -0.62 | ↓ -6.97% |
| DAH | 9.63       | 8.96     | -0.67 | ↓ -6.96% |
| VRE | 31.70      | 29.50    | -2.20 | ↓ -6.94% |
| VCG | 49.60      | 46.20    | -3.40 | ↓ -6.85% |
| VPH | 5.99       | 5.58     | -0.41 | ↓ -6.84% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| BTS | 7.70       | 7.00     | -0.70 | ↓ -9.09% |
| ALT | 11.50      | 10.50    | -1.00 | ↓ -8.70% |
| SSC | 44.30      | 40.50    | -3.80 | ↓ -8.58% |
| PSE | 11.30      | 10.40    | -0.90 | ↓ -7.96% |
| HEV | 15.10      | 14.00    | -1.10 | ↓ -7.28% |

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| STB | 52,720,000 | 9.4%    | 1,495 | 21.1 | 1.9 |
| TCB | 50,296,400 | 3250.0% | 4,074 | 13.3 | 2.4 |
| HPG | 41,144,000 | 31.1%   | 4,054 | 12.9 | 3.5 |
| FLC | 29,543,900 | 11.2%   | 1,748 | 7.5  | 1.0 |
| MBB | 25,814,900 | 20.4%   | 3,635 | 12.0 | 2.3 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 35,847,570 | 14.2% | 1,785 | 16.3 | 2.2 |
| PVS | 15,205,349 | 5.2%  | 1,427 | 19.7 | 1.0 |
| KLF | 8,395,585  | -0.6% | (60)  | -    | 0.5 |
| SHS | 8,109,173  | 30.8% | 4,721 | 10.0 | 2.6 |
| VND | 6,437,607  | 29.7% | 5,134 | 9.4  | 2.7 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| TNT | ↑ 6.9% | -1.0% | (105) | -     | 0.8 |
| AGM | ↑ 6.9% | 5.6%  | 1,331 | 23.3  | 1.3 |
| FRT | ↑ 6.9% | 1.5%  | 238   | 115.7 | 1.7 |
| TGG | ↑ 6.8% | -1.8% | (178) | -     | 1.2 |
| TCB | ↑ 6.8% | 19.6% | 4,074 | 13.3  | 2.4 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| MAS | ↑ 9.9% | -31.0% | (3,070) | -    | 5.4 |
| QHD | ↑ 9.7% | 31.8%  | 5,682   | 6.0  | 1.9 |
| NFC | ↑ 9.5% | 5.4%   | 626     | 15.2 | 0.8 |
| PGT | ↑ 9.3% | -23.9% | (1,289) | -    | 1.0 |
| BII | ↑ 9.2% | 2.8%   | 265     | 24.5 | 0.7 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua     | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| NVL | 15,444,900 | 13.1% | 3,006 | 39.6 | 4.6 |
| STB | 3,307,600  | 9.4%  | 1,495 | 21.1 | 1.9 |
| HPG | 1,331,500  | 31.1% | 4,054 | 12.9 | 3.5 |
| MBB | 877,300    | 20.4% | 3,635 | 12.0 | 2.3 |
| VCI | 815,400    | 22.0% | 2,841 | 20.5 | 3.9 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| TVB | 154,000 | 21.5% | 2,458 | 6.5  | 1.4 |
| PVS | 104,900 | 5.2%  | 1,427 | 19.7 | 1.0 |
| KLF | 92,100  | -0.6% | (60)  | -    | 0.5 |
| BSI | 71,000  | 16.9% | 2,051 | 12.6 | 2.0 |
| SD5 | 16,000  | 7.6%  | 1,409 | 6.7  | 0.5 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 426,150 | 22.1% | 5,708 | 20.1 | 4.2 |
| VIC | 397,436 | 5.2%  | 1,969 | 59.7 | 2.8 |
| VHM | 388,163 | 31.2% | 8,023 | 14.7 | 4.1 |
| HPG | 233,934 | 31.1% | 4,054 | 12.9 | 3.5 |
| CTG | 196,223 | 20.8% | 4,761 | 11.1 | 2.1 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS    | P/E  | P/B  |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 72,240  | 51.6% | 10,779 | 19.1 | 12.7 |
| SHB | 55,841  | 14.2% | 1,785  | 16.3 | 2.2  |
| VND | 20,765  | 29.7% | 5,134  | 9.4  | 2.7  |
| BAB | 18,634  | 7.7%  | 897    | 29.3 | 2.2  |
| VCS | 17,888  | 39.6% | 9,561  | 11.7 | 4.2  |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| CTS | 2.61 | 18.7%  | 2,444   | 10.6 | 1.9 |
| VDS | 2.46 | 29.6%  | 3,383   | 8.4  | 2.3 |
| MHC | 2.38 | 43.7%  | 5,513   | 2.1  | 0.8 |
| IJC | 2.30 | 23.7%  | 3,606   | 9.1  | 2.1 |
| FTM | 2.21 | -60.2% | (4,068) | -    | 0.6 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| FID | 2.71 | -1.7%  | (172)   | -    | 0.4 |
| APP | 2.67 | 3.5%   | 362     | 21.0 | 0.7 |
| ART | 2.67 | 2.3%   | 270     | 38.5 | 0.9 |
| WSS | 2.65 | -0.5%  | (45)    | -    | 1.0 |
| SPI | 2.50 | -11.2% | (1,049) | -    | 1.8 |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---